

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 29-4-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TQĐ, xã NVK, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp GK, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của ông Nguyễn Văn T tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án:*

Ngày 30/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn T và ông N có hợp đồng mua bán xe cuốc, hợp đồng có xác nhận Ủy ban nhân dân xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau: Hợp đồng bán xe cuốc nhãn hiệu CAT E70.035 – 5 sơn màu vàng, hình thức bán trả góp hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 30.000.000 đồng. Tổng giá trị xe cuốc ông N phải thanh toán cho ông T là 440.000.000 đồng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản hàng tháng vào ngày mùng 6/10/2018 (âm lịch), thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày mùng 6/10/2018 (âm lịch).

Giữa ông T và ông N đã thống nhất thỏa thuận như hợp đồng đã ký kết, nếu ông N chậm thanh toán như thỏa thuận thì ông N phải thanh toán phí tổn thất cho ông T 1.000.000 đồng/ngày. Đồng thời nếu thanh toán trễ hẹn 15 ngày thì ông T có quyền thu hồi tài sản bất cứ lúc nào mà ông N không có quyền khiếu nại.

Từ khi hợp đồng mua bán đến nay, ông N không thanh toán cho ông theo hợp đồng đã ký kết, ông N cũng không thanh trả lại cho ông xe cuốc cho ông như đã thỏa thuận, ông đã nhiều lần yêu cầu cho ông N thanh toán nợ nhưng ông N vẫn không thực hiện theo như thỏa thuận trước đó.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu hủy hợp đồng mua bán với ông N, buộc ông N trả lại tài sản và toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại như thỏa thuận tổng cộng là 30.000.000 đồng, trong đó ông N đã giao được 17.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng, yêu cầu ông N thanh toán cho ông 1.000.000 đồng/ngày, bắt đầu từ ngày 17/12/2018 cho đến khi ông N trả lại xáng cuốc.

Tại phiên tòa, ông T khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán hợp đồng mua bán với số tiền 440.000.000 đồng, và lãi phát sinh do ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thời gian kể từ ngày ký kết hợp đồng cho đến nay theo quy định. Do ông N vi phạm hợp đồng nên đối với số tiền 17.000.000 đồng ông T yêu cầu không trừ vào tiền ông N đã nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Xét thấy ông T và ông N có ký kết hợp đồng với nhau, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông N thanh toán hợp đồng mua bán tài sản và thanh toán lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu không đối trừ khoản tiền ông N đã thanh toán cho ông 17.000.000 đồng vào khoản nợ đã nêu trong hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận,

do đây là khoản tiền ông N đã thanh toán cho ông T khi ký hợp đồng mua bán xe cuốc nên đề nghị đối trừ 17.000.000 đồng vào khoản tiền ông N đã nợ ông T theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Lê Văn N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện ông Lê Văn N yêu cầu thanh toán hợp đồng mua bán xe cuốc. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông N thanh toán hợp đồng mua bán tài sản, buộc ông N phải có nghĩa vụ trả trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, thời gian kể từ ngày bán tài sản cho đến khi nhận lại tài sản đã bán.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hợp đồng mua bán xe cuốc đề ngày 30/10/2018 giữa ông T và ông N đã thỏa thuận ký kết với nhau cụ thể như ông T đã trình bày, hợp đồng này có xác nhận của UBND xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau nên hợp đồng mua bán xe cuốc giữa ông T và ông N là thực tế có xảy ra và đã đi vào thực hiện, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông T nên nên phát sinh tranh chấp.

[5] Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông thanh toán hợp đồng mua bán 440.000.000 đồng, và lãi phát sinh kể từ ngày ký kết hợp đồng cho đến nay theo quy định của pháp luật. Do ông N vi phạm hợp đồng nên đối với số tiền 17.000.000 đồng nên ông T yêu cầu không trừ vào tiền ông N đã nợ. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai của Cơ quan điều tra – Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (từ bút lục 61 đến 64)

và tờ tự nhận của ông Lê Văn N (bút lục 65) ông N thừa nhận có ký kết hợp đồng như ông T trình bày, ông N có nợ lại ông T số tiền mua xăng cuốc 440.000.000 đồng, đã thanh toán cho ông T được 17.000.000 đồng, hiện ông đã bán phà và xăng cuốc lại cho người khác nhưng không biết rõ địa chỉ cụ thể của người mua, lời trình bày của các đương sự cho thấy hợp đồng mua bán xăng cuốc đã đi vào thực hiện, ông T và ông N ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương nên hợp đồng có hiệu lực, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông T yêu cầu ông N thanh toán khoản tiền 440.000.000 là có căn cứ chấp nhận, ông T và ông N đều thừa nhận ông N đã thanh toán cho ông T được 17.000.000 đồng, đây là số tiền ông T nhận của ông N khi thực hiện hợp đồng nên được đối trừ vào số tiền 440.000.000 đồng nêu trong hợp đồng mua bán tài sản, sau khi đối trừ, ông N còn nợ lại ông T tiền mua xăng cuốc là 423.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi ba triệu đồng) là phù hợp.

[6] Ông T yêu cầu ông N thanh toán lãi phát sinh do ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thời gian yêu cầu từ ngày 30/10/2018 cho đến nay (ngày 29/4/2020). Xét thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận vì ông N không thanh toán tiền cho ông T, vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng, mặc dù ông T và ông N có thỏa thuận điều khoản này trong hợp đồng với mức 1.000.000 đồng/tháng, mức thỏa thuận này vượt so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại tòa, ông T yêu cầu ông N thanh toán lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp, ông N có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông T số tiền lãi do chậm thanh toán hợp đồng, cụ thể như sau: Từ ngày 30/10/2018 đến 29/4/2020 là 01 năm 04 tháng 29 ngày $\times$ 440.000.000 đồng $\times$ 20%/năm = 124.234.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

[7] Ông N có nghĩa vụ thanh toán cho ông T khoản tiền nợ của hợp đồng mua bán xe cuốc là 423.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 124.234.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 547.234.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

[8] Các vấn đề khác: Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430; Điều 440; Điều 357 Bộ luật dân sự:

1. Xét xử vắng mặt ông Lê Văn N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Lê Văn N về việc thanh toán hợp đồng mua bán tài sản.

2.1. Buộc ông Lê Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 423.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi ba triệu đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng 124.234.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi 547.234.000 đồng (năm trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

2.2. Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho ông T thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải nộp phải nộp 27.360.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng, lấy tròn số).

Ông T không phải chịu án phí. Ngày 18/12/2018, ông T nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005843, ông T được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh